

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình:
Đường biên giới Khe Sanh - Sa Trầm (ĐT.587) - Giai đoạn 1.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 1/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng; Số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường biên giới Khe Sanh - Sa Trầm (ĐT587) - Giai đoạn 1.

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2020 (đợt 2);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1962/TTr-SGTVT ngày 06/8/2020 và Thông báo kết quả thẩm định số 1961/SGTVT-KHTC ngày 06/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường biên giới Khe Sanh - Sa Trầm (ĐT.587) - Giai đoạn 1 với các nội dung sau:

- 1. Tên dự án:** Đường biên giới Khe Sanh - Sa Trầm (ĐT.587) - Giai đoạn 1.
- 2. Chủ đầu tư:** Sở Giao thông vận tải Quảng Trị.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đề ra; tăng cường quốc phòng - an ninh; thực hiện hoàn thành các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; từng bước hoàn thiện hạ tầng giao thông theo quy hoạch; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội, đặc biệt ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa; phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra bão, lũ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phía Nam huyện Hướng Hóa; đảm bảo đời sống an sinh của Nhân dân các dân tộc; đẩy mạnh giao thương kinh tế, quốc phòng - an ninh biên giới của hai nước Việt Nam - Lào.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Quy mô xây dựng:

- Chiều dài tuyến giai đoạn 1: 3.980m, điểm đầu: Km0+000 giao đường Quốc lộ 9 tại Km64+553/QL.9; điểm cuối: Km3+980/ĐT.587; trong đó đoạn đi trùng với đường Hùng Vương từ Km0+000÷Km0+755,26 tận dụng đường cũ, không thiết kế; chiều dài đoạn thiết kế 3.224,74m;

- Cấp đường: Đường cấp V, miền núi theo TCVN 4054-2005; Vận tốc thiết kế: $V_{tt}=30\text{km/h}$; Tải trọng thiết kế: Nền, mặt đường trục xe 100kN; cống: H30-XB80; cầu: HL93; Tần suất thiết kế: Ngập lụt hàng năm;

- Mặt cắt ngang: Bề rộng nền đường 6,5m, gồm: mặt đường rộng 3,5m; lề gĩa cố mỗi bên 1,0m, lề đất rộng mỗi bên 0,5m; dốc ngang mặt đường 2,0%; dốc ngang lề đường 4,0%; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào 1/1;

- Độ dốc dọc lớn nhất: $i_{\max} = 11\%$;

- Mặt đường cấp cao A_1 , $E_{yc} \geq 110\text{Mpa}$.

4.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	Khảo sát địa hình - địa chất:	
1	Quy trình khảo sát đường ô tô	22 TCN 263-2000
2	Quy phạm đo vẽ địa hình	96 TCN 43-90
3	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
4	Tiêu chuẩn thí nghiệm đất xây dựng	TCVN 4195÷4202-2012
II	Thiết kế, thi công:	
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4054-2005
2	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	22TCN 211-06
3	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2011
4	Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCVN 8819:2011

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
5	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2019/BGTVT
6	Và một số tiêu chuẩn kỹ thuật khác	

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần xây dựng Vinacon.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Nguyễn Công Thuyên.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

8. Diện tích sử dụng đất: 33.225m².

9. Loại công trình: Công trình giao thông; Cấp IV.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng:

a) *Bình đồ:* Hướng tuyến bám theo tim đường cũ, điều chỉnh cục bộ để đảm bảo yếu tố hình học. Tận dụng, không thiết kế phạm vi đường tràn liên hợp từ Km1+552÷Km1+772, dài 220,0m.

b) *Cắt dọc:* Trên cơ sở khống chế cao độ điểm đầu, điểm cuối, các vị trí đường giao, công trình trên tuyến và nền mặt đường cũ; độ dốc dọc thiết kế ≤ 11%, riêng đoạn Km0+910÷Km1+114 châm chước là 11,84% và đoạn Km3+675÷Km3+980 châm chước là 13%.

c) *Mặt cắt ngang:* Bề rộng nền đường 6,5m, gồm: Mặt đường 3,5m; lề gia cố mỗi bên 1,0m, lề đất mỗi bên 0,5m; dốc ngang mặt đường 2,0%; dốc ngang lề đường 4,0%; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào 1/1.

d) *Nền đường:* Đắp đất cấp 3 đầm chặt $K \geq 0,95$; lớp đất sát đáy áo đường dày 30cm đầm chặt đạt $K \geq 0,98$.

đ) *Kết cấu mặt đường:* Cấp cao A1, $E_{yc} \geq 110\text{MPa}$, gồm 2 loại như sau:

- Loại 1 (*Áp dụng với mặt đường láng nhựa cũ*), gồm các lớp: Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm; tưới thấm bám nhựa pha dầu lượng nhựa 0,8kg/m²; móng CPĐD $D_{\max}=25\text{mm}$, dày 14cm; móng CPĐD $D_{\max}=37,5\text{mm}$ dày 16cm + bù vênh.

- Loại 2 (*Áp dụng với cạp mở rộng và đường làm mới*), gồm các lớp: Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm; tưới thấm bám nhựa pha dầu lượng nhựa 0,8kg/m²; móng CPĐD $D_{\max}=25\text{mm}$, dày 14cm; móng CPĐD $D_{\max}=37,5\text{mm}$ dày 16cm; đắp đất cấp 3 đầm chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm.

e) *Thoát nước dọc:*

- Rãnh thoát nước hở hình thang kích thước (40x40x120)cm; gia cố rãnh bằng tấm lát bê tông M150, kích thước (57x50x6)cm; phần lề đất tại các vị trí gia cố rãnh được gia cố bằng bê tông xi măng M200 dày 20cm;

- Đoạn nối tiếp vào hệ thống thoát nước đường Hùng Vương, Khe Sanh từ Km0+782,38 ÷ Km0+973,38 thiết kế rãnh hình chữ nhật đầy đan, kích thước (0,7x1,0)m; cấu tạo: Thân rãnh bê tông M150 dày 20cm, đáy rãnh bê tông M150 dày 20cm, xà mũ BTCT M200; tấm đan BTCT M250 dày 16cm có bố trí lỗ thu nước; phần lề đường tiếp giáp giữa rãnh dọc và mặt đường gia cố BTXM M200

dày 20cm trên lớp đệm cát dày 5cm;

- Bố trí công bản khẩu độ 0,5m thoát nước dọc tại 03 vị trí đường giao dân sinh (lý trình Km1+479, Km1+876, Km2+870); cấu tạo: Tấm bản lắp ghép BTCT M250, đá 1x2; xà mũ BTCT M200, đá 1x2; thân cống, tường đầu, tường cánh, móng cống, chân khay BTXM M150, đá 2x4.

f) Thoát nước ngang:

- Tổng cộng có 10 cống, trong đó: Thiết kế mới 04 cống các loại gồm: 03 cống hộp (1,0x1,0)m; 01 cống hộp 2x(3x2)m thay thế đường tràn liên hợp cũ có cấu tạo bằng cống hộp 5x(1,8x0,5)m; nối 03 cái gồm: 01 cống tròn $\Phi 07,5$ m; 02 cống tròn $\Phi 1,5$ m; tận dụng 03 cầu, cống các loại gồm: 01 tràn liên hợp cầu bản 3x6m tại Km1+685,13, 01 cống tròn $\Phi 1,0$ m, 01 cống tròn 2 $\Phi 1,0$ m.

- Cấu tạo:

+ Cống tròn: Ống cống BTCT M200; tường đầu, tường cánh BT M150 đá 2x4; thân cống, tường đầu, tường cánh, sân cống, móng cống, chân khay BTXM M150, đá 2x4;

+ Cống hộp khẩu độ < 2m: Ống cống lắp ghép BTCT M250 đá 1x2; thân cống, tường đầu, tường cánh, sân cống, móng cống, chân khay BTXM M150, đá 2x4;

+ Cống hộp khẩu độ > 2m: Ống cống BTCT M300 đá 1x2; thân cống, tường đầu, tường cánh, sân cống, móng cống, chân khay BTXM M150, đá 2x4;

- Gia cố mái taluy phía thượng, hạ lưu cống bằng tấm lát bê tông cốt thép M200, đá 1x2, kích thước (50x50x6)cm.

g) Giao với đường dân sinh, ngõ vào dân:

- Bán kính vượt nổi $R = 3 \div 10$ m, độ dốc dọc vượt nổi $I_{\max} = 4\%$, chiều dài vượt nổi từ 5m đến 15m tùy theo đặc thù địa hình các vị trí giao cắt; Kết cấu mặt đường vượt nổi: Đối với các đường dân sinh là đường đất vượt nổi bằng cấp phối đất đồi đầm chặt $K \geq 0,95$; Đối với các đường dân sinh hiện tại mặt đường bằng bê tông xi măng, kết cấu vượt nổi gồm các lớp: bê tông xi măng M200 đá 2x4 dày 18cm; lót 1 lớp bạt ni lông; lớp móng đệm cát dày 5cm;

- Tại các đường vào nhà dân có đào rãnh: Thiết kế tấm đan BTCT M200 kích thước 160x100x10(cm) bắc qua rãnh, mỗi nhà dân bố trí 03 tấm;

h) Hệ thống báo hiệu đường bộ: Bố trí đầy đủ biển báo, cọc tiêu, cọc H và cột Km theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Thực hiện theo quy định hiện hành về công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư của Nhà nước và của UBND tỉnh Quảng Trị.

13. Tổng mức đầu tư dự án: 23.000.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ đồng chẵn), trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	13.884.718.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	355.827.000	đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 997.944.000 đồng;
- Chi phí khác : 735.999.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 2.557.349.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng: : 4.468.163.000 đồng.

14. Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: Vốn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020: 20.000.000.000 đồng;
- Ngân sách tỉnh: 3.000.000.000 đồng.

15. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh tổ chức quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 - 2021.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải thực hiện công khai hóa thông tin đầy đủ theo quy định để phục vụ công tác giám sát đầu tư cộng đồng.

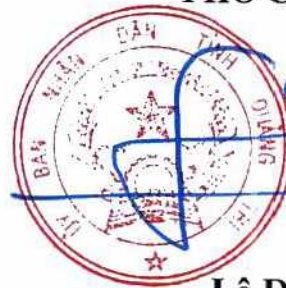
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Hương Hóa và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh
- Lưu: VT, CN_T(3b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Tiến